

Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đổi với hoạt động xuất khẩu của Việt Nam

NGUYỄN HÙNG * - THANH PHƯƠNG **

THU hút vốn đầu tư nước ngoài nhằm hỗ trợ cho sản xuất hàng xuất khẩu là mục tiêu ưu tiên của nhiều quốc gia, nhất là đối với các nước đang phát triển, bởi đây không chỉ là nguồn vốn đầu tư đơn thuần, mà còn là công nghệ, quản lý có tác dụng nâng cao hiệu quả và năng lực cạnh tranh trong sản xuất hướng tới xuất khẩu. Vì vậy, Đảng và Nhà nước ta đã xác định: phát huy cao độ nội lực, đồng thời tranh thủ nguồn lực bên ngoài, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế để phát triển nhanh, có hiệu quả và bền vững. Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài là một thành phần kinh tế, một bộ phận cấu thành của nền kinh tế nhiều thành phần định hướng xã hội chủ nghĩa, cùng phát triển lâu dài, hợp tác và cạnh tranh lành mạnh. Điều đó thể hiện trên một số nội dung cơ bản sau:

Một là, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đã góp phần ngày càng nhiều vào tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước. Trong những năm qua, nếu so với các nguồn vốn khác thì khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đã đóng góp lớn vào sự gia tăng nhanh chóng của tổng kim ngạch xuất khẩu cả nước, vào việc nâng cao vai trò và vị thế của hàng hóa Việt Nam trên thị trường

quốc tế. Đây chính là kết quả của những nỗ lực đáng khích lệ từ cả hai phía (Nhà nước và các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài) trong việc đẩy mạnh xuất khẩu. Điều đó thể hiện tỷ trọng kim ngạch xuất khẩu của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trong tổng kim ngạch xuất khẩu cả nước tăng liên tục kể từ năm 1995 đến nay. Nếu năm 1995, khu vực có vốn

đầu tư nước ngoài chỉ đóng góp 27% vào tổng kim ngạch xuất khẩu, thì năm 2000 con số này đã là 47%⁽¹⁾. Năm 2005, hoạt động sản xuất, kinh doanh của khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt kết quả khả quan hơn mức dự báo: nếu tính cả dầu thô, xuất khẩu của khu vực này là 19 tỉ USD, chiếm 57,4% tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước⁽²⁾.

Đạt được kết quả trên là do số doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tham gia vào hoạt động xuất khẩu của Việt Nam tăng khá nhanh; đồng thời tỷ trọng hàng xuất khẩu của khu vực này ngày càng cao. Theo số liệu thống kê, đến nay đã có hơn 700 doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tham gia hoạt động xuất khẩu, trong đó hơn 100 doanh nghiệp có kim ngạch xuất khẩu trên 3,5 triệu USD, khoảng 20 doanh nghiệp có kim ngạch xuất khẩu trên 10 triệu USD, có doanh nghiệp kim ngạch xuất khẩu lên đến 570 triệu USD.

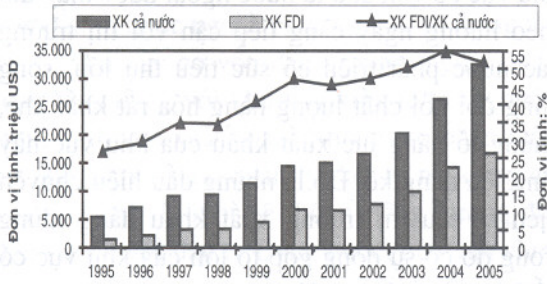
* Ban Đối ngoại Trung ương

** Viện Nghiên cứu Thương mại

(1) Số liệu của Niên giám Thống kê năm 2005

(2) Theo Thời báo Kinh tế Việt Nam, số 256, ngày 26-12-2005

Biểu đồ: So sánh xuất khẩu của khu vực FDI với xuất khẩu cả nước (1995 - 2005)



Nguồn: Tính toán của tác giả dựa trên số liệu của Tổng cục Thống kê (kể cả dầu thô). Số liệu năm 2005 là số liệu ước tính của Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Tỷ trọng kim ngạch xuất khẩu so với doanh thu của các doanh nghiệp cũng tăng khá nhanh: bình quân những năm 1991 - 1995 đạt 30%; đến những năm 1996 - 2000 tăng lên 43%; dự kiến 5 năm 2001 - 2005 đạt 42%⁽³⁾. Trong một số ngành như dệt may, giày dép... có nhiều doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đạt được tỷ lệ xuất khẩu trong doanh thu khá cao (từ 80% trở lên); còn các ngành khác tỷ lệ xuất khẩu ở mức thấp hơn, như thủy sản đạt 49%, công nghiệp nặng đạt 34%.

Hai là, góp phần đa dạng hóa cơ cấu mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam. Xuất khẩu của khu vực có vốn đầu tư nước ngoài không chỉ ngày càng đóng vai trò quan trọng trong tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu của cả nước, mà còn có ảnh hưởng không nhỏ tới cơ cấu xuất khẩu. Hiện tại, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đang sản xuất và chiếm tỷ trọng cao trong kim ngạch xuất khẩu của một số ngành hàng (chiếm 84% hàng điện tử, máy vi tính và linh kiện máy vi tính, 45% hàng giày dép và 25% hàng may mặc). Điều đáng lưu ý là số các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực công nghiệp tăng mạnh làm cho giá trị xuất khẩu của các mặt hàng công nghiệp trong cơ cấu xuất khẩu ngày càng tăng, nhất là những sản phẩm thuộc các ngành như ô- tô và phụ tùng ô-tô. Các mặt hàng khác như thép cán, xi-măng,

dụng cụ cơ khí,... mặc dù có kim ngạch xuất khẩu còn nhỏ, nhưng đang có xu hướng tăng nhanh. Gần đây, trong cơ cấu hàng xuất khẩu của khu vực có vốn đầu tư nước ngoài, xuất hiện thêm một số mặt hàng như dây điện và dây cáp điện, sản phẩm nhựa, phụ tùng xe đạp, sản phẩm gỗ, sữa và các sản phẩm từ sữa, đường, đồ chơi, mì ăn liền... Như vậy, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đã làm đa dạng hóa các mặt hàng xuất khẩu, thay đổi cơ cấu xuất khẩu của Việt Nam và tập trung vào những ngành sản xuất mà Việt Nam có lợi thế so sánh, nhất là những ngành công nghiệp nhẹ sử dụng nhiều lao động.

Ba là, góp phần nâng cao trình độ công nghệ và khả năng cạnh tranh của sản phẩm xuất khẩu. Khả năng xuất khẩu của sản phẩm là thước đo trực tiếp sức cạnh tranh của một doanh nghiệp. Làm tăng tính cạnh tranh của một sản phẩm có nghĩa là làm tăng năng lực cạnh tranh của một doanh nghiệp nói riêng và của cả nền kinh tế nói chung. Khả năng cạnh tranh của một sản phẩm phụ thuộc vào chất lượng, mẫu mã, giá cả và số lượng. Những chỉ tiêu này lại phụ thuộc chủ yếu vào vốn, công nghệ, lao động và trình độ quản lý... So với các doanh nghiệp trong nước, đây là ưu thế hơn hẳn của khu vực có vốn đầu tư nước ngoài. Vì thế, sản phẩm của khu vực có vốn đầu tư nước ngoài thường có hàm lượng công nghệ và tính cạnh tranh cao hơn rất nhiều so với các sản phẩm của doanh nghiệp trong nước. Nhờ vậy, phần lớn kim ngạch của nhiều sản phẩm xuất khẩu chủ lực của Việt Nam là do khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tạo ra. Chẳng hạn, dầu khí chiếm 92% tổng kim ngạch xuất khẩu, hàng điện tử và linh kiện điện tử chiếm 84%, xuất khẩu hàng dệt may, giày dép cũng mang lại hiệu quả cao.

Bốn là, góp phần mở rộng và làm thay đổi cơ cấu thị trường xuất khẩu. Từ khi thực hiện chủ trương thu hút vốn đầu tư nước ngoài của Đảng

(3) Tạp chí Những vấn đề kinh tế thế giới, số 6/2005, tr 56

và Nhà nước đến nay, nước ta đã đạt được những bước đột phá trong việc mở rộng thị trường xuất khẩu, cũng như thay đổi cơ cấu thị trường xuất khẩu. Trước năm 1978, thị trường xuất khẩu của nước ta chỉ bó hẹp ở khu vực Liên Xô, các nước Đông Âu và một số nước xã hội chủ nghĩa khác với số lượng hàng hóa xuất khẩu chỉ đạt trị giá vài trăm triệu Rúp. Giai đoạn từ năm 1987 đến năm 1991 là giai đoạn đầu thực thi Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam và thực hiện công cuộc đổi mới, mở cửa nền kinh tế nên lượng vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài thu hút được còn ít, thị trường xuất khẩu của khu vực có vốn đầu tư nước ngoài cũng chưa được mở rộng. Từ cuối năm 1991, khi lượng vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài bắt đầu tăng mạnh, thì thị trường xuất khẩu của nước ta cũng được mở rộng nhanh chóng. Lúc đầu là một số nước Đông Á, ASEAN, Trung Á,... sau đó là các nước Tây Âu, Mỹ La-tinh, Ô-xtrây-li-a, Bắc Mỹ, các nước châu Phi,... Đến nay, thông qua hoạt động xuất khẩu của khu vực có vốn đầu tư nước ngoài, thị trường xuất khẩu của Việt Nam đã được mở rộng ra trên 140 nước và các vùng lãnh thổ khác nhau, trong đó có những thị trường mới giàu tiềm năng như Mỹ, EU...

Các nước và vùng lãnh thổ hiện nay đầu tư lớn nhất, ở nước ta gồm có: Nhật Bản, Hàn Quốc, Xin-ga-po, Đài Loan,... Đây cũng là những nước và vùng lãnh thổ nhập khẩu hàng hóa nhiều nhất từ khu vực có vốn đầu tư nước ngoài ở Việt Nam.

Đầu tư nước ngoài từ khu vực EU vào Việt Nam tăng nhanh kéo theo xuất khẩu của khu vực có vốn đầu tư nước ngoài vào những nước trong khu vực này cũng tăng, với những thị trường xuất khẩu tiềm năng là Anh và Đức. Bên cạnh đó, chúng ta đang mở rộng khai thác các thị trường mới ở Bắc Âu như Đan Mạch, Thụy Điển, Phần Lan... Hiện tại, EU là thị trường xuất khẩu lớn thứ 2 của Việt Nam. Và, sau khi Hiệp định Thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ được ký kết, Mỹ trở thành nước nhập khẩu hàng

hóa lớn thứ 3, sau Nhật Bản và Trung Quốc. Nhìn chung, cơ cấu thị trường xuất khẩu của khu vực có vốn đầu tư nước ngoài được thay đổi theo hướng ngày càng tiếp cận với thị trường các nước phát triển có sức tiêu thụ lớn, song cũng đòi hỏi chất lượng hàng hóa rất khắt khe, chúng tỏ năng lực xuất khẩu của khu vực này tăng lên đáng kể. Đó là những dấu hiệu chuyển dịch cơ cấu thị trường xuất khẩu đáng mừng trong đó có sự đóng góp to lớn của khu vực có vốn đầu tư nước ngoài.

Tóm lại, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài những năm qua đã góp phần phát triển hoạt động xuất khẩu của nước ta thông qua việc tăng nhanh khối lượng hàng xuất khẩu, nâng cao đáng kể sức cạnh tranh của sản phẩm xuất khẩu, từ đó giúp Việt Nam tham gia sâu hơn vào phân công lao động quốc tế, khai thác những lợi thế mà đất nước sẵn có như nguồn lao động và tài nguyên thiên nhiên.

Thành công của hoạt động xuất khẩu nói chung và xuất khẩu của khu vực có vốn đầu tư nước ngoài nói riêng trong chặng đường 20 năm đổi mới vừa qua là nhờ sự nỗ lực không ngừng của các doanh nghiệp và sự quan tâm, khuyến khích thường xuyên của Nhà nước thông qua việc ban hành các cơ chế, chính sách quản lý đúng đắn, tạo điều kiện cho hoạt động sản xuất và xuất khẩu. Tuy nhiên, trong thực tế vẫn còn một số vấn đề bất cập cần sớm giải quyết để phát huy hơn nữa vai trò của khu vực vốn đầu tư nước ngoài đối với phát triển xuất khẩu của đất nước trong thời gian tới, như sau:

Thứ nhất, cần tháo gỡ những khó khăn, bất cập về cơ chế, chính sách đối với hoạt động xuất khẩu của khu vực có vốn đầu tư nước ngoài. Nhà nước ta đã ban hành nhiều văn bản tạo điều kiện cho khu vực có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động xuất khẩu tốt ở Việt Nam. Chẳng hạn, cho phép khu vực có vốn đầu tư nước ngoài được tham gia xuất khẩu, kể từ năm 1999 được quyền xuất khẩu tất cả các loại sản phẩm mà khu vực này khai thác được trên thị trường Việt Nam.

Nghị định số 10/1998/NĐ-CP, Công văn 801/CP-QHQT cho phép bãi bỏ thủ tục phê duyệt kế hoạch xuất khẩu đối với khu vực có vốn đầu tư nước ngoài. Như vậy, kể từ tháng 9 - 1999, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài hoàn toàn bình đẳng với khu vực kinh tế trong nước trong lĩnh vực xuất khẩu. Nhưng, do pháp luật, cơ chế, chính sách quản lý đầu tư nước ngoài, với tính chất là một hệ thống riêng, tương đối độc lập so với đầu tư trong nước, nên vẫn chưa thực sự tạo ra một "sân chơi" bình đẳng giữa doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và doanh nghiệp trong nước. Điều này thể hiện không chỉ đối với những vấn đề có liên quan đến việc thành lập, tổ chức, hoạt động của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, mà còn cả những vấn đề liên quan đến điều kiện đầu tư và chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư. Trong đó còn một số điểm chưa phù hợp với thông lệ quốc tế đã làm cho các nhà đầu tư trong khu vực có vốn đầu tư nước ngoài băn khoăn. Một số điểm trong Luật Đầu tư nước ngoài và một số quy định, thủ tục hiện nay phần nào còn gây ra không ít khó khăn cho hoạt động xuất khẩu của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

Các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trong sản xuất và huy động vốn còn gặp những khó khăn như không được huy động vốn từ nhà đầu tư khác; không được tự do vay vốn ở Việt Nam; không được giảm vốn; khi muốn tăng hoặc cơ cấu lại vốn phải được cấp phép. Việc chuyển nhượng vốn cho người khác của doanh nghiệp phải được "bên" thứ hai đồng ý hoặc tổ chức lại dưới mọi hình thức và phải được phép của cơ quan cấp phép đầu tư. Doanh nghiệp bị khống chế tiêu thụ nội địa, đồng thời cũng không được xuất khẩu sản phẩm của doanh nghiệp khác. Doanh nghiệp cũng chỉ được nhập khẩu để phục vụ sản xuất theo kế hoạch đã được Bộ Thương mại phê duyệt. Họ không thể xin được giấy phép kinh doanh trong những ngành, nghề không được Nhà nước khuyến khích phát triển sản xuất, kinh doanh. Trong trường hợp

muốn mở chi nhánh, văn phòng đại diện ở Việt Nam, doanh nghiệp phải được ủy ban nhân dân tỉnh nơi mở chi nhánh văn phòng đại diện chấp thuận... Những quy định về thủ tục xin phép hoặc đăng ký cấp phép đầu tư không rõ ràng, không cụ thể, không nhất quán, tùy tiện và phức tạp, nhiều tầng nấc, gây tốn kém và không dự liệu được thời gian bao lâu thì có thể xin được... đều là những cản trở, nhiều khi gây nản lòng các nhà đầu tư. Chính sách về thuế nhập khẩu của chúng ta trong nhiều trường hợp vẫn chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu của chiến lược hướng về xuất khẩu, thậm chí còn tạo ra những lệch lạc trong định hướng đầu tư, nhất là thu hút đầu tư nước ngoài. Trong khi đó, Luật Đầu tư nước ngoài tuy đã được sửa đổi, bổ sung theo hướng đưa sản xuất hàng xuất khẩu lên vị trí ưu tiên hàng đầu, nhưng Luật Đầu tư trong nước chưa được điều chỉnh theo hướng này. Tóm lại, những biểu hiện cụ thể trên là những bất cập về cơ chế, chính sách cần phải sớm được tháo gỡ, hoàn thiện để hoạt động xuất khẩu của khu vực có vốn đầu tư nước ngoài phát triển thuận lợi hơn.

Thứ hai, cần tạo sân chơi bình đẳng đối với mọi thành phần kinh tế trong sản xuất, kinh doanh. Về mặt quan điểm và đường lối, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài ở Việt Nam đã được thừa nhận là một bộ phận của nền kinh tế quốc dân, nhưng trên thực tế vẫn còn bị đối xử chưa thực sự bình đẳng như các thành phần kinh tế khác. Báo chí vừa qua đã đưa những ý kiến như: chất xám của Việt Nam đang chảy sang khu vực có vốn đầu tư nước ngoài; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài không tốn một đồng vốn đầu tư phát triển nguồn nhân lực, nhưng lại thu hút hết người tài giỏi của Việt Nam. Chính phủ còn quy định, những lĩnh vực nào doanh nghiệp trong nước có thể đầu tư thì không cho phép khu vực có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động; doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài không được thuê lao động nước ngoài quá 3% tổng số lao động trong doanh nghiệp...

Giữa chủ trương và những quy định của ta hiện nay là chưa đồng bộ, chưa kể một số quy định vẫn thiếu minh bạch, còn có sự phân biệt đối xử không hợp lý giữa doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài với doanh nghiệp trong nước, hoặc can thiệp quá sâu vào quyền tự do kinh doanh của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, đặc biệt chưa đáp ứng yêu cầu dành quyền đối xử quốc gia cho các nhà đầu tư nước ngoài. Do vậy, có thể nói, những hạn chế này chắc chắn sẽ ảnh hưởng tới hiệu quả hoạt động của khu vực có vốn đầu tư nước ngoài vào hoạt động xuất khẩu của Việt Nam nếu không sớm được thay đổi.

Thứ ba, cần tiếp tục hoàn thiện môi trường pháp lý về đầu tư sản xuất kinh doanh cho các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Để tiếp tục hoàn thiện môi trường pháp lý về đầu tư sản xuất kinh doanh theo xu hướng hội nhập kinh tế quốc tế, năm 2005, Quốc hội Việt Nam đã ban hành Luật Doanh nghiệp áp dụng thống nhất cho tất cả các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế; Luật Đầu tư quy định về các biện pháp ưu đãi và bảo hộ đầu tư không phân biệt nhà đầu tư trong nước hay ngoài nước. Hai luật này sẽ có hiệu lực từ ngày 1-7-2006, thay thế cho: Luật Đầu tư nước ngoài (sửa đổi năm 2000); Luật Đầu tư trong nước (năm 1998); Luật Doanh nghiệp (năm 1999); Luật Doanh nghiệp nhà nước (năm 2003). Luật Đầu tư và Luật Doanh nghiệp mới là hai luật có đối tượng điều chỉnh riêng nên không thể thay thế cho nhau. Như vậy, kể từ ngày 1-7-2006, cả nhà đầu tư nước ngoài và nhà đầu tư trong nước khi tiến hành đầu tư kinh doanh ở Việt Nam không thể lựa chọn hoặc áp dụng theo luật này hoặc áp dụng theo luật kia mà phải áp dụng cả hai. Theo quy định tại hai luật này, sẽ không còn phân biệt doanh nghiệp theo nguồn gốc vốn mà chỉ còn phân loại theo tiêu chí cách thức góp vốn và chịu trách nhiệm và giữa nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài sẽ có một mặt bằng pháp lý chung.

Các luật mới nêu trên đã minh bạch hơn, tạo thông thoáng cho các nhà đầu tư nước ngoài cả về việc gia nhập thị trường, thủ tục đầu tư, hình thức đầu tư và ưu đãi đầu tư, xử lý tranh chấp,... Nhưng để nội dung của các luật mới đi vào cuộc sống đòi hỏi phải có sự chuyển biến mạnh mẽ cả về tư duy, cách hành xử của cán bộ, công chức cũng như tổ chức bộ máy của các cơ quan quản lý nhà nước đối với môi trường kinh doanh nói chung và đầu tư nước ngoài nói riêng. Cho nên, cần khẩn trương ban hành sớm các văn bản hướng dẫn để các nhà đầu tư cũng như các cơ quan quản lý nhà nước có thời gian tìm hiểu và áp dụng. Trong quá trình này, cần kịp thời hướng dẫn cụ thể về việc chuyển đổi thủ tục hành chính, củng cố, hoàn thiện tổ chức bộ máy quản lý khu vực có vốn đầu tư nước ngoài cho phù hợp với quy định của các luật mới. Một mặt, chú trọng việc bảo đảm cho gần 6.000 dự án có vốn đầu tư nước ngoài đã được cấp giấy phép chuyển sang hoạt động theo luật mới một cách thuận lợi, để không làm ảnh hưởng đến hoạt động của khu vực có vốn đầu tư nước ngoài. Mặt khác, cần tiếp tục tiến hành rà soát các chính sách liên quan nhằm kịp thời chỉnh sửa, hoàn chỉnh, bảo đảm sự thống nhất của cả hệ thống luật pháp, chính sách về đầu tư. Khẩn trương rà soát các cam kết quốc tế về mở cửa thị trường để thực hiện theo đúng lộ trình. Tập trung quyết liệt nhằm hoàn thiện cơ chế một cửa ở các cơ quan cấp phép và quản lý đầu tư; tăng cường phân cấp mạnh hơn nữa quản lý đầu tư; giảm dần sự tham gia trực tiếp của cơ quan quản lý ở cấp trung ương vào xử lý các vấn đề cụ thể; giải quyết kịp thời các thủ tục về đất đai, hải quan, xuất - nhập khẩu trong quá trình hoạt động của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

Thực hiện tốt các giải pháp trên, hy vọng tới đây khu vực có vốn đầu tư nước ngoài ở nước ta sẽ có môi trường kinh doanh thuận lợi để tạo ra những bước phát triển mới, đóng góp nhiều hơn nữa vào hoạt động xuất khẩu và tăng trưởng kinh tế của Việt Nam. □